

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **136/2025/DS-ST**

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Về tranh chấp di sản thừa kế và
yêu cầu trả lại đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Tấn Phước, bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2024/TLST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 418/2025/QĐST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ B, ấp Q, xã Q, huyện A, An Giang. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ B, ấp Q, xã Q, huyện A, An Giang. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện A; địa chỉ trụ sở: Số D đường B, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A: Bà Nguyễn Thị N1 – Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện A (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2025). (Vắng mặt)

2. Ông Dương Văn Ê, sinh năm 1939; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ông Huỳnh Văn N căn cứ Tờ Di chúc (Cư trú vĩnh viễn) ngày 18/12/1999 của cụ Giang Thị B, sinh năm 1922, chết năm 2007, yêu cầu Tòa án công nhận Tờ Di chúc để ông được quản lý, sử dụng phần đất diện tích ngang 4,5m x dài 16m, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; buộc ông Huỳnh Văn P giao trả phần diện tích đất để ông xây cất nhà sinh sống.

Theo ông N, ngày 18/12/1999, bà ngoại ông là cụ Giang Thị B lập di chúc để lại cho ông phần đất diện tích ngang 4,5m x dài 16m tại ấp C (nay là ấp Q), xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Vị trí đất cụ thể như sau: Phía Bắc tiếp giáp với đường xuống sông, phía Nam tiếp giáp với đất của bà Huỳnh Thị S, phía Đông tiếp giáp với đất của ông C (không rõ họ), phía Tây tiếp giáp với lộ nông thôn (lộ cũ).

Năm 2007 bà ngoại ông chết, ông Huỳnh Văn P (cậu ruột ông N) tranh chấp, yêu cầu ông N di dời nhà (diện tích ngang 4m x dài 7m, loại nhà gỗ, vách lợp tol, mái lợp tol, nền đất), giao phần đất này lại cho ông P. Vụ việc được Ủy ban nhân dân xã Q hòa giải nhưng không thành. Ngày 15/10/2023, ông P cùng con là Huỳnh Văn N2 ngang nhiên đến tháo dỡ căn nhà.

Theo ông Huỳnh Văn P, trước đây ông ngoại ông P tên Giang Văn M có cho mẹ ông phần đất ngang 33m, dài từ mặt tiền vào hậu khoảng 180m – 190m.

Nhà ông phía trước 7,3m sau hậu 7,6m, còn lại 20,5m. Mẹ ông có chừa đường đi ngang 02m. Năm 1990 mẹ ông có bán cho cháu ngoại Dương Văn Ế phần đất ngang 5m x dài 16m, còn lại 13,5m thì người chị thứ tư tên Huỳnh Thị S cất nhà ngang 7m, còn lại 6,5m. Ngót có hỏi mẹ ông xin cất nhà và hứa sẽ nuôi mẹ ông và cho mẹ ông 2 (hai) chỉ vàng 24Kra. Tuy nhiên N mới đưa 01 chỉ.

Bà S nghe mẹ ông cho N cất nhà cặp nhà bà S thì bà S không đồng ý và cất thêm 04m. Như vậy phần đất còn lại ngang mặt trước 2,5m, mặt sau 1,5m không đủ cho N cất nhà. Khi đó mẹ ông có kêu N trả lại 01 chỉ vàng nhưng N không chịu. Mẹ ông nói với N “Dì tư mày lấy thêm 4m nên không đủ cho mày cất nhà”. Ngót nghe vậy mới đem Tờ di chúc đưa ấp, xã ký. Sau đó N có thưa mẹ ông lên xã hòa giải. Bên Tư pháp kêu N nhận lại 01 chỉ vàng nhưng N không chịu. Thời gian trôi qua mẹ ông lâm bệnh, chết ngày 12/6/2007 (AL).

Sau khi mẹ ông chết, ông ra C sống với con, ông N ở nhà ngang nhiên kêu anh của N tên Huỳnh Văn C1 cất trại (vật liệu gỗ, tole) trên đường đi xuống sông nhưng không hỏi ý ông. Năm 2022 ông về quê thì đến tháng 7 năm 2023 ông có kêu vợ chồng N dỡ trại để trả lại đường đi cho bà con lên xuống. Do vợ chồng N không dỡ nên ông dỡ và xếp lại gần đó.

Như đã trình bày ở trên thì phần đất của mẹ ông chỉ còn đường đi, không

còn phần đất nào ngang 4,5m x dài 16m như N nói.

Bà Huỳnh Thị S trình bày: Bà S là con của cụ Giang Thị B, phần đất này trước đây là của họ tộc, sau khi người lớn chia ra thì bà mua lại của người di tên Giang Thị T (mua trước xảy ra chiến tranh biên giới Tây – Nam một năm). Phần bà mua là chiều ngang 8m, chạy dài khoảng 16m, giá 02 chỉ vàng. Sau khi chạy giặc trở về thì mẹ bà kêu bán cho bà ngang 8m, dài khoảng 16m (cặp với đất mua của bà T), giá 01 chỉ vàng (vừa bán, vừa cho). Sau đó mẹ bà thấy hẹp nên kêu cho thêm ngang 01m. Như vậy phần đất của gia đình bà có chiều ngang khoảng 17m. Đất này bà có bán lại cho con bà tên Dương Văn Ế ngang 5m. Năm 1992 bà cất nhà ở, cắm trụ ranh, đến khi Nhà nước kêu kê khai đăng ký thì bà đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở ổn định cho đến nay.

Khi bà về ở thì phần đất mà N tranh chấp hiện nay là đất trống, gia đình Ngót lúc đầu che trại bán hột vịt lộn, sau đó mới cất nới lớn ra. Việc xây cất trại của gia đình N là khoảng sau năm 2000 (không nhớ năm cụ thể). Còn đất gia đình bà đã xuống trụ, làm hàng rào trước đó.

Việc mẹ bà làm Tờ di chúc cho N thế nào bà không biết. Khi mẹ bà còn sống thì đã xảy ra tranh chấp giữa mẹ bà với N. Khi đó bà có nói với mẹ bà giải quyết rõ ràng đi, còn sự việc chính quyền giải quyết giữa 2 bên thế nào bà không rõ.

Bà xin ổn định phần đất bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bởi khi ông N chỉ đất cho Tòa án đo thì đã chỉ vào hàng rào của nhà bà.

Quá trình thu thập chứng cứ: Tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ; cho các đương sự thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp.

Theo các biên bản thẩm định ngày 02/8/2024, ngày 12/6/2025 thì phần đất ông N chỉ dẫn một mặt giáp đường nông thôn, hai bên giáp đất bà S, đất ông P, sau hậu là đường đi xuống sông (lối đi chung). Phần ông N chỉ dẫn có một phần nằm trong phần mái trại nhà bà S. Thẩm định ngày 02/8/2024 thì là khu đất trống; thẩm định ngày 12/6/2025 thì phần đất này đã đổ đường đal (lối đi chung), chiều ngang từ nhà bà S đến nhà ông P còn khoảng 2,2m; chiều dài từ lộ nông thôn đến bờ sông.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định tại các điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nhận thấy Tờ Di chúc cư trú vĩnh viễn lập ngày 18/12/1999 nhưng đến ngày 15/3/2000 Ủy ban nhân dân xã Q mới xác nhận. Ông N cũng thừa nhận lúc đầu là mua bán đất, sau thì ông ghi tờ di chúc cho cụ Giang Thị B ký. Sau đó ông tự mang đến ấp, xã ký xác nhận. Như vậy, cụ B không ký tờ di chúc trước mặt cơ quan chứng thực; đồng thời xã Q cũng không có lưu hồ sơ chứng thực. Như vậy, việc lập di chúc này là vi phạm Điều 12, Điều 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, nên đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, ông Huỳnh Văn N kiện ông Huỳnh Văn P, yêu cầu công nhận Tờ Di chúc và yêu cầu ông P trả lại phần đất diện tích 4,5m x 16m. Quá trình đo đạc, thẩm định, xác định được phần đất tranh chấp có một phần nằm trong diện tích đất của bà Huỳnh Thị S và ông Dương Văn Ê được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời ông N có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà S, ông Ê, nên đưa bà S, ông Ê; cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Ủy ban nhân dân huyện A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định tạm ngừng phiên tòa. Do vụ án được đưa ra xét xử lần thứ 2, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt, nên tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Văn N kiện kêu cầu công nhận Tờ Di chúc, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông Huỳnh Văn P trả lại đất, xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và yêu cầu trả lại đất”. Phần đất tranh chấp tọa lạc xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vụ việc đã được hòa giải cơ sở không thành. Căn cứ Luật đất đai năm 2024; các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[1.5] Về thời hiệu: Trong vụ án này, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu đề người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Cụ B chết năm 2007, năm 2023 ông N tranh chấp. Xác định vụ việc còn trong thời hiệu.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu công nhận Tờ di chúc:

Về hình thức, Tờ Di chúc được viết tay bằng giấy carô, tiêu đề “TỜ DI CHỨC (CƯ TRÚ VĨNH VIỄN)” có chữ ký của cụ Giang Thị B và người thừa kế Huỳnh Văn P; có xác nhận của Tổ trưởng Tổ tự quản, ngày 18/12/1999; xác nhận chứng chuyển của Ban ấp 3, ngày 24/02/2000 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q ngày 15/03/2000.

Về nội dung “Tờ Di chúc cư trú vĩnh viễn” ngày 18/12/1999, ghi nhận cụ Giang Thị B cho ông Huỳnh Văn N một nền nhà dài 16m, ngang 4,5m, cho cháu ngoại tên Huỳnh Văn N được cư trú vĩnh viễn.

Theo Trích lục khai tử số 257/TLKT-BS, ngày 08/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã Q thì cụ Giang Thị B, sinh năm 1922, chết ngày 12/6/2007. Thời điểm cụ B ký tên vào Tờ Di chúc thì cụ B đã 77 tuổi.

Theo quy định tại các Điều 12, 13, 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 (thời điểm luật có hiệu lực) thì “*Người lập di chúc trong tình trạng minh mẫn...Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có trách nhiệm chứng thực của cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn*”. Theo Tờ Di chúc thì cụ B lập di chúc ngày 18/12/1999 nhưng đến ngày 15/3/2000 Ủy ban nhân dân xã Q mới chứng thực. Theo Biên bản xác minh ngày 07/5/2025 của Tòa án thì Ủy ban nhân dân xã Q cũng không có lưu trữ hồ sơ chứng thực Tờ Di chúc của cụ Giang Thị B. Đồng thời theo trình bày của ông Huỳnh Văn N thì sau khi cụ B, ông P ký tên trong Tờ Di chúc do chính ông N viết thì ông N mang nhờ tổ, ấp ký; sau đó mang đến Ủy ban nhân dân xã Q ký xác nhận. Như vậy, việc lập di chúc khi cụ B 77 tuổi nhưng không có kiểm tra sức khỏe (đảm bảo việc còn minh mẫn); nội dung di chúc lại do người được hưởng di sản tự viết và cụ B không ký tên trước mặt cơ quan chứng thực là vi phạm Điều 12, Điều 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và vi phạm Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, theo trình bày của các đương sự thì sau khi cụ B ký tên vào Tờ Di chúc cho ông N cư trú vĩnh viễn diện tích đất 4m5 x 16m thì sau đó gia đình có xảy ra tranh chấp, cụ B không cho ông N phần đất này nữa vì bà S đã xây cất nhà, diện tích đất còn lại không đủ, cụ B kêu trả lại vàng cho ông N. Tình tiết này bà S và ông P xác nhận. Ngoài ra, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông N cũng xác định “phần đất này là tôi mua, nhưng do là quan hệ bà cháu, nên lập tờ di chúc tặng cho”. Từ đó cho thấy, nội dung Tờ di chúc hoàn toàn không đúng bản chất của việc lập di chúc di tặng quyền về tài sản; đồng thời cụ B cũng đã có ý kiến rút lại di chúc (tranh chấp) nhưng chưa thực hiện thì đã chết. Theo thẩm định tại chỗ ngày 12/6/2025 của Tòa án thì phần diện tích đất theo Tờ di chúc không còn tồn tại đầy đủ như lời ông N, mà hiện là lối đi chung đã được đổ đal (bê tông) có chiều ngang nơi rộng nhất là 2m2. Điều này vi phạm khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; điểm a khoản 1 Điều 630; Điều 640; khoản 3, khoản 5 Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, xác định Tờ Di chúc cư trú vĩnh viễn do ông N viết, cụ Giang Thị B ký xác lập ngày 18/12/1999 vi phạm về hình thức lẫn nội dung; phần di sản cũng không còn tồn tại theo công năng, mục đích sử dụng, nên không chấp nhận yêu cầu về việc công nhận Tờ Di chúc của ông Huỳnh Văn N. Từ đó không có căn cứ công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ông N chỉ dẫn đo đạc thể hiện tại các điểm 10, 14, 16, 17, 7, diện tích 68,8m² theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 24/5/2025 của Văn phòng Đ chi nhánh A.

[2.3] Về yêu cầu ông Huỳnh Văn P trả lại đất: Căn cứ Bản đồ hiện trạng khu đất ngày 24/5/2025 của Văn phòng Đ chi nhánh A, các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định được phần đất tranh chấp theo chỉ dẫn của ông N có một phần diện tích thuộc thửa số 34, tờ bản đồ số 19 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02590 cấp ngày 28/8/2015 mang tên Dương Văn Ê và Huỳnh Thị S (diện tích 8,7m² theo các điểm 7, 16, 17 Bản vẽ hiện trạng khu đất); phần còn lại thuộc thửa số 23, tờ bản đồ số 19 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Như vậy, phần đất ông N tranh chấp hiện không có căn là của ông Huỳnh Văn P, mà một phần là lối đi chung và một phần thuộc diện tích đất của bà S, ông Ê. Đồng thời, Tờ Di chúc do cụ B xác lập ngày 18/12/1999 không được

công nhận, di sản không còn đầy đủ theo di nguyện và đã thay đổi công năng, mục đích sử dụng. Việc thay đổi công năng, mục đích sử dụng phần đất này là do bà con tự phát, nhằm phục vụ lợi ích công cộng (lối đi chung), người dân thụ hưởng chung, trong đó có họ tộc và em ruột của ông N. Do đó không chấp nhận yêu cầu của ông N về việc yêu cầu ông P trả lại phần đất diện tích ngang 4m5, dài 16m.

Ngoài ra, nhận thấy diện tích đất của bà S, ông Ê được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục. Phần diện tích này bà S, ông Ê sử dụng đúng mục đích và việc cấp Giấy chứng nhận cũng không bị khiếu nại trong thời gian luật định. Đồng thời Tờ Di chúc do cụ B lập ngày 18/12/1999 cũng không được công nhận. Do đó không chấp nhận đề nghị của ông N về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH002590 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 28/8/2015 mang tên ông Dương Văn Ê và bà Huỳnh Thị S.

Do ông N không có yêu cầu về số vàng đưa cho cụ B cũng như không có yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại về tài sản, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Về tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá là 1.704.000 đồng. Quá trình giải quyết nguyên đơn đã tạm ứng đủ, nên xem đã thực hiện xong.

[3.2] Về án phí: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N phải chịu án phí yêu cầu công nhận di chúc theo mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng và yêu cầu ông Huỳnh Văn P trả lại phần đất diện tích 72m² (4m5 x 16m) theo mức án phí có giá ngạch. Theo Biên bản thỏa thuận giá ngày 18/3/2025 (giá đất 700.000 đồng/m²), án phí là 2.520.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 630, 640, 643 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24; khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q,

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Văn N về việc yêu cầu công nhận Tờ Di chúc cư trú vĩnh viễn ngày 18/12/1999 của cụ Giang Thị B, yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất và yêu cầu ông Huỳnh Văn P trả lại đất.

Về án phí: Ông Huỳnh Văn N phải chịu tổng án phí 2.820.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân huyện An Phú theo Biên lai thu số 0009242 ngày 05/3/2024. Ông N còn phải nộp thêm 1.570.000 (một triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Văn P. Thời hạn kháng cáo của ông N và ông P là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2025). Thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

(Kèm theo và không tách rời Bản án này là Bản vẽ hiện trạng khu đất bỏ sung ngày 24/5/2025 của Văn phòng Đ chi nhánh A).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Quốc Thái (1);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

